

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

SẮC LỆNH VỀ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO - MỘT DẤU MỐC QUAN TRỌNG VỀ QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, một trong những công việc quan trọng là Nhà nước ban hành Hiến pháp, xác định thể chế Nhà nước, công bố nghĩa vụ và quyền lợi của công dân.

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc và khoa học, Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua ngày 8/11/1946. Nghĩa vụ và quyền lợi của công dân được Hiến pháp quy định:

“Chương II: Nghĩa vụ và quyền lợi của công dân

Mục B: Quyền lợi

Điều 10, Công dân có quyền... tự do tín ngưỡng⁽¹⁾.

Nhưng sau đó không lâu, Thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến. Bởi sau một thời gian ngắn tái chiếm Việt Nam, Thực dân Pháp dựng lên chính phủ bù nhìn. Trên thực tế, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mất vai trò quản lý đất nước. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Nhà nước Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa không có điều kiện để thực hiện quyền công dân về tự do tín ngưỡng.

Vì vậy sau khi Miền Bắc được giải phóng, trong bộ phận công việc, đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua cơ quan lập pháp của Nhà nước sớm có một văn bản pháp luật quy định về vấn đề tôn giáo, một trong những vấn đề cấp thiết đặt ra lúc bấy giờ.

Trong kì họp thứ 4, Quốc hội Khóa I, từ ngày 20-26/3/1955, 6 nguyên tắc về chính sách bảo đảm tự do tín ngưỡng, được Chính phủ đề nghị Quốc hội thông qua.

Sáu nguyên tắc đó là:

1 - Mọi người công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều được hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng.

Các nhà tu hành được tự do giảng đạo ở trong cơ quan tôn giáo. Các tín đồ được tự do lễ bái. Sách báo, tài liệu về tôn giáo được xuất bản theo đúng luật lệ của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

^{*}. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Báo *Cứu quốc*. Ngày 20/11/1946.

2 - Các nhà tu hành, các tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân Việt Nam. Để cho các nhà tu hành có điều kiện làm nghề tôn giáo của họ, sẽ có sự chăm chú thích đáng về mặt thi hành nghĩa vụ công dân.

3 - Các nhà thờ, chùa, thánh thất được tôn trọng và bảo vệ.

4 - Các cơ quan giáo lý, văn hóa, xã hội, các tổ chức công thương nghiệp của các tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

5 - Khi thi hành luật cải cách ruộng đất, đối với các tôn giáo sẽ có sự chiếu cố như sau:

a - Khi cải cách ruộng đất, trong số ruộng mà Chính phủ trưng thu hoặc trưng mua để chia cho nông dân, sẽ để lại cho nhà chung, nhà chùa, thánh thất một số ruộng đủ dùng vào việc thờ cúng và để dùng vào việc sinh hoạt của những người chuyên làm nghề tôn giáo. Số ruộng đó sẽ do nhân dân địa phương bình nghị và chính quyền chuẩn y.

b - Những linh mục, nhà sư, chức sắc có ruộng đất cho phát canh thu tô như địa chủ không bị vạch thành phần là địa chủ, nhưng phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Chính phủ.

6 - Những kẻ mượn danh nghĩa hoặc vin cơ tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ, phá hoại đoàn kết của nhân dân, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật, sẽ bị trừng trị.

Quốc hội đã ủy nhiệm cho Chính phủ căn cứ vào những nguyên tắc trên đây, ban hành những luật pháp thích hợp để thực hiện chính sách, đảm bảo tự do tín ngưỡng⁽²⁾.

Sáu nguyên tắc về chính sách bảo đảm tự do tín ngưỡng của Quốc hội, cơ quan lập pháp tối cao của Nhà nước thông qua đề nghị của Chính phủ đã được các tôn giáo phấn khởi đón nhận trong đó có Công giáo, một tôn giáo có nhiều hoạt động trên lĩnh vực tôn giáo, văn hóa, xã hội, từ thiện nhất. Một tôn giáo mà hiện tình đang vấp phải những nan đề từ phía Giáo hội cũng như từ phía chính quyền.

Tuy chưa thật chi tiết, đầy đủ như *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo* ban hành sau đó ít thời gian nhưng 6 nguyên tắc của Chính phủ đều rất thiết thực, “sát sườn” với đồng bào. Vì vậy mà trong thời gian tháng 4, tháng 5 năm 1955, đồng bào Công giáo nhiều tỉnh, thành phố như Hà Đông, Bắc Giang, Vinh Phúc... tổ chức học tập, quán triệt. Đặc biệt từ ngày 4 đến 6/5/1955 diễn ra *Hội nghị các linh mục toàn địa phận Phát Diệm* để nghiên cứu chính sách tôn giáo của Chính phủ. Tương tự, ngày 5/5/1955 các linh mục địa phận Bùi Chu cũng họp nghiên cứu, trao đổi chính sách với Chính phủ. Sau Hội nghị, các linh mục nhất trí thấy rõ Hồ Chí Minh và Chính phủ luôn chăm sóc đến đời sống của đồng bào Công giáo và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Ở Nghệ An, trong Hội nghị các linh mục nghiên cứu chính sách tôn giáo, các đại biểu các xứ Mỹ Dụ, Cẩm Trường, Nghi Lộc, Song Ngọc, Anh Sơn, Xã Đoài đều tỏ lòng biết ơn Hồ Chí Minh, hoan nghênh chính sách tôn giáo của Chính phủ⁽³⁾.

Như vậy những tỉnh có đông đồng bào Công giáo, tình hình tôn giáo phức tạp trong lịch sử, trong kháng chiến chống

2. Báo Nhân dân. Ngày 27-3-1955.

3. Báo Nhân dân. Ngày 8-6-1955.

Pháp và hiện thời như Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An cùng với hầu hết các tỉnh, thành có tín đồ Công giáo đều tổ chức học tập, quán triệt và phấn khởi, tín tưởng vào chính sách mới của Chính phủ về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Một số tôn giáo như Phật giáo, Tin Lành giáo cũng tổ chức cho tín đồ học tập, quán triệt. Với Phật giáo thường tổ chức ở chùa.

Sáu nguyên tắc về chính sách bảo đảm tự do tín ngưỡng là sự chuẩn bị trước, được phổ biến đến mọi người dân, nhất là người dân theo các tôn giáo khác nhau để thăm dò dư luận, để quần chúng nhân dân trong đó có quần chúng tín đồ cùng với cán bộ đảng viên nêu ý kiến đóng góp cho việc xây dựng *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo*.

Sở dĩ như vậy là vì, đây là lần đầu tiên, sắc lệnh, một văn kiện có tính pháp lý về tôn giáo được ban hành. Cần lưu ý rằng thời kì đó chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng luật pháp, đối với luật pháp về tôn giáo, tín ngưỡng thì kinh nghiệm càng ít hơn.

Sau một thời gian thăm dò, lấy ý kiến dư luận xã hội và làm việc tích cực, khẩn trương của Bộ phận soạn thảo, ngày 14/6/1955, nghĩa là chưa đầy 3 tháng kể từ sau kì họp thứ 4, Quốc hội khóa I, *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo* được ban hành. Đó là Sắc lệnh số 234. Sắc lệnh do Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hồ Chí Minh kí, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp kí⁽⁴⁾.

“Sắc lệnh nêu rõ những nguyên tắc chính trong chính sách của Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với tôn giáo và đối với vấn đề tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng, đồng thời cũng nêu một cách

rõ ràng và toàn diện những chủ trương cụ thể để đảm bảo quyền tự do ấy của nhân dân⁽⁵⁾.

Toàn văn Sắc lệnh gồm 5 chương, 16 điều.

Chương 1: *Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng*: chương này gồm 7 Điều (từ Điều 1 (Đ.1) đến Đ.7.

Điều 1, mở đầu xác định rõ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo là một trong quyền CƠ BẢN CỦA CON NGƯỜI. Quyền này là quyền được pháp luật bảo hộ, quyền bất khả xâm phạm bao gồm: quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Mọi người dân Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào. Và: Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

Ở đây có những khái niệm cần thiết được làm sáng tỏ. Thứ nhất, *tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng và tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào*. Rõ ràng là có sự khác biệt căn bản: tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng được hiểu là tự do tin hoặc không tin một niềm tin tôn giáo nào đó, đồng thời được tự do biểu lộ niềm tin (tín ngưỡng) hay không biểu lộ niềm tin (tín ngưỡng) với một tôn giáo nào đó. Cần chỉ ra rằng thời kì này và cho đến tận khi Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo được ban hành (năm 2004) vấn đề tín ngưỡng mới được hiểu là việc tin theo và thờ cúng những vị thần, thờ cúng tổ tiên, anh hùng liệt, còn trước đó khái niệm này được hiểu là niềm tin.

Tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng có thể là đối với tôn giáo cũng có thể là đối với thần linh như Thành hoàng, Tổ tiên,

4. Báo *Nhân dân*. Ngày 4-7-1955.

5. Báo *Nhân dân*. Ngày 4-7-1955.

Tổ nghề, Anh hùng tiên liệt thậm chí là những linh vật giáo, một loại hình mà trước đây gọi là tín ngưỡng dân gian còn sau năm 2004 (thời điểm Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo ra đời là tín ngưỡng). Bởi trước kia cũng như hiện nay một bộ phận lớn dân cư Việt Nam tin và thờ cúng tín ngưỡng dân gian.

Tự do tôn giáo nghĩa là có một niềm tin vào một tôn giáo cụ thể.

Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hay không theo một tôn giáo nào. Ý của điều này một mặt bao hàm tự do tôn giáo, nhưng theo tôi còn có một ý lớn lao, đó là Nhà nước Việt Nam không chọn quốc giáo, không bắt hoặc yêu cầu người dân phải theo tôn giáo hoặc đồng thời hạn chế tôn giáo. Điều này hoàn toàn phù hợp với lịch sử dân tộc Việt Nam; Phù hợp với một Đảng lấy Chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng; Phù hợp với một chế độ mới – chế độ xã hội chủ nghĩa mà tất cả các quyền cơ bản của người dân đều được tự do, đều được pháp luật bảo hộ và bất khả xâm phạm.

Một điểm lưu ý là quyền ấy thuộc về *Nhân Dân* hoặc *Mọi Người Dân Việt Nam*. Cụm từ nhân dân bao hàm một ý chỉ rộng lớn, nghĩa là tất cả những người dân được pháp luật công nhận là con dân Nước Việt được ghi trong căn cước (Chứng minh nhân dân). Trong đề tài cấp Bộ năm 2011 “*Những vấn đề cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam*” chúng tôi đã có dịp bàn kĩ về vấn đề này. Chúng tôi cũng đưa ra nhận định cụm từ *Nhân dân* hay *Mọi người dân* được dùng trong Sắc lệnh 234 là rộng lớn mà nó khác với cụm từ *Công dân*. Công dân là một quyền khác của con người và trong một số trường hợp họ sẽ bị tước mất quyền này

(như vi phạm pháp luật, đang trong thời kì chịu án phạt hình sự, dân sự). Nếu coi công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo thì khi họ bị mất quyền công dân cũng có nghĩa là họ bị mất quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật không bảo hộ quyền ấy cho họ. Còn nếu là *Nhân dân* thì mất quyền công dân, họ vẫn được tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Xác định nhân dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nghĩa là *Sắc lệnh 234 công nhận tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền cơ bản của con người. Nghĩa là đã là con người sinh ra ở nước Việt Nam, có căn cước là người Việt Nam thì được hưởng quyền này.*

Các Điều (2, 3, 4, 5, 6) là thể chế những vấn đề cụ thể của quyền tự do tín ngưỡng. Trong các điều trên, đáng chú ý là Đ.3 quy định: Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam và phải tuân theo luật pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, như các ngoại kiều khác.

Nội dung này chúng ta phải dời đến Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo (năm 2004) thể hiện ở Đ.36. *Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo của Việt Nam sau khi được cơ quan quản lí nhà nước về tôn giáo ở Trung ương chấp thuận, phải tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo của Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.*

Như vậy, cuộc hành trình để các nhà tu hành người nước ngoài được phép giảng đạo tại các cơ sở tôn giáo Việt Nam kéo dài 1/2 thế kỉ. Tất nhiên, một thời gian dài, cho đến khi Việt Nam tiến

hành công cuộc Đổi mới đất nước, các tôn giáo Việt Nam ít nhiều không có điều kiện mời các nhà tu hành nước ngoài đến Việt Nam.

Chương 1 dành Đ.7, một Điều nêu nguyên tắc của sự chế tài để đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng. Đ.7. *Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật.*

Điều này cho thấy vấn đề lợi dụng tôn giáo để phá hoại an ninh trật tự luôn là vấn đề đặt ra đối với tôn giáo ở Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện tại. Bởi vì pháp luật đặt ra không phải để chế tài những điều không có trong cuộc sống. Việc trừng trị kẻ mượn danh tôn giáo ở đây không chỉ về vấn đề an ninh trật tự mà còn mở rộng ra các lĩnh vực khác để nhằm thực thi đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân như: xâm phạm tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác. Như vậy càng minh chứng rõ hơn quyền tự do tín ngưỡng là quyền bất khả xâm phạm.

Chương 2

Đối với những hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của các tôn giáo

Chương này có 2 Điều, Đ.8 và Đ.9. Đáng chú ý là Đ.9: *Các tôn giáo được phép mở trường tư thục. Các trường tư thục đó phải dạy theo chương trình giáo dục của chính phủ. Ngoài giờ dạy theo chương trình giáo dục của chính phủ có thể dạy thêm giáo lí cho những học sinh nào muốn học.* Với Đ.9 có hai điểm cần

được nhấn mạnh: Điểm thứ nhất, Chính phủ cho phép các tôn giáo hợp pháp ở Việt Nam được mở trường tư thục. Điểm thứ hai, chương trình giảng dạy phải theo chương trình bậc học, lớp học hiện hành do Nhà nước quy định. Các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay mới chủ yếu tham gia vào việc giữ trẻ mẫu giáo và mầm non. Ngoài ra, các tôn giáo được mở các lớp dạy nghề. Các chức sắc, nhà tu hành tôn giáo có thể được mời giảng dạy ở các trường đại học.

Chương 3

Đối với vấn đề ruộng đất của các tôn giáo gồm 3 Điều, Đ.10, Đ.11, Đ.12. Chủ yếu giải quyết những vấn đề ruộng đất đặt ra thời điểm bấy giờ.

Chương 4

Quan hệ giữa chính quyền nhân dân và các tôn giáo, chương này có 3 Điều, Đ.13, Đ.14, Đ.15. Đáng chú ý là Đ.13. Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo.

Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam với Tòa Thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo. Qua bản văn, ý thứ nhất cho thấy công việc của các tôn giáo là công việc nội bộ của từng tôn giáo, mỗi tôn giáo tự chịu trách nhiệm về tôn giáo của họ. Đồng thời cũng cho thấy Nhà nước Việt Nam tách khỏi tôn giáo. Nhà nước Việt Nam không phải nhà nước thần quyền. Ý thứ hai thể hiện rất rõ lập trường, quan điểm đối với riêng Công giáo ở Việt Nam. Theo đó, không bắt Công giáo ở Việt Nam cắt đứt quan hệ về tôn giáo với Tòa thánh La Mã. Nghĩa là công nhận Công giáo ở Việt Nam là một bộ phận của Công giáo La Mã. Điều này đã xoa tan nỗi lo lắng cả về phía Công giáo La

Mã lẫn Giáo hội Công giáo Việt Nam khi mà họ sợ rằng Nhà nước Việt Nam học tập Nhà nước Trung Hoa, tách Giáo hội Công giáo Việt Nam ra khỏi Giáo hội Công giáo Rôma theo hướng tam tự.

Chương 5

Điều khoản thi hành. Chương này có một Điều, Đ.16.

Một vài nhật xét

- Đây là sắc lệnh về tôn giáo đầu tiên ở Việt Nam. Sắc lệnh không chỉ có vai trò hiện hành vào thời điểm bấy giờ và những năm tiếp theo, mà còn đặt nền móng cho việc ban hành những văn bản pháp quy về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam trong thời kì đổi mới.

- Một số Điều được quy định lúc đó vẫn giữ nguyên giá trị, các văn bản pháp luật của Việt Nam hiện hành nên học tập. Nhất là hiện nay, Nhà nước đang trong quá trình hoàn thiện các văn bản pháp luật, trong đó các văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Khái niệm về tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng tách biệt với tự do tôn giáo là những khái niệm rất đáng quan tâm nghiên cứu. Tuy chưa có một văn bản nào quan phương giải thích về vấn đề này nhưng theo suy nghĩ của chúng tôi, *tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng mới là cái tiên thiên của Con Người, nằm trong Bản Chất Người. Cần được xác lập là một Tiêu Chí Người.* Còn tự do tôn giáo không phải là tiên thiên của con người. Tôn giáo mới chỉ ra đời vài vạn năm nay. Trên thực tế số lượng người không thuộc về một tôn giáo chiếm tỉ lệ khá đông, ngay cả các nước bên Tây Âu ngày xưa được xem là nước Công giáo. Lịch sử loài người cho thấy con người có thể không thuộc về một tôn giáo nào

nhưng đều có tín ngưỡng, tín ngưỡng (niềm tin) vào một cái gì đó rồi biểu hiện nó qua việc làm (thờ cúng) đối với niềm tín tưởng (tín ngưỡng) đó.

Bản Sắc lệnh gắn với các điều rõ ràng, dễ hiểu thể hiện năng lực soạn thảo văn bản pháp luật nói chung về văn bản pháp luật về tôn giáo nói riêng lúc bấy giờ của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước công nông còn hết sức non trẻ. Bản Sắc lệnh cho thấy, những nhà làm luật Việt Nam biết kế thừa tri thức thế giới trong đó có luật pháp các nước xã hội chủ nghĩa nhưng lại không rập khuôn máy móc mà bám sát vào tình hình thực tiễn đòi hỏi của đất nước lúc giờ, đồng thời có tính đến cả yếu tố truyền thống dân tộc, chẳng hạn như dùng hai chữ THỜ CÚNG hoặc như công nhận Công giáo ở Việt Nam là một bộ phận thuộc về Giáo hội Công giáo La Mã. Có thể nói đây là những tư tưởng siêu thời đại. Bởi nếu Nhà nước Việt Nam rập khuôn theo Nhà nước Trung Hoa, một nước xã hội chủ nghĩa, một mô hình có ảnh hưởng không nhỏ đến Nhà nước Việt Nam lúc bấy giờ thì sẽ phải gánh chịu biết bao nhiêu hệ lụy như Nhà nước Trung Hoa đã và đang phải gánh chịu.

- Bản Sắc lệnh còn để lại cho ngày nay một bài học về quá trình chuẩn bị, trong đó có việc lấy ý kiến đông đảo quần chúng nhân dân về những nguyên tắc, qua đó mà có sự điều chỉnh cho phù hợp. Điều này phát huy được trí tuệ của toàn dân đồng thời cũng thể hiện quan điểm Nhà nước dân chủ, do dân, vì dân.

Sau khi Sắc lệnh được ban hành, Đảng, Chính phủ yêu cầu cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân mở các đợt học tập, sinh hoạt, quán triệt. Do những điều được quy định trong Sắc lệnh sát

hợp với thực tế tôn giáo đương thời nên được các tôn giáo phấn khởi đón nhận, học tập. Có thể nêu một vài ví dụ.

Ngày 5/7/1955, chức sắc Công giáo tỉnh Hải Dương, Hải Phòng, Kiến An đã tổ chức nghiên cứu Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo. Cùng ngày, tại Liên khu IV, sau khi nghiên cứu *Sắc lệnh*, 57 tu sĩ và các chủng sinh đại chủng viện và tiểu chủng viện Xã Đoài, địa phận Vinh đã gửi kiến nghị lên Hồ Chủ tịch và Chính phủ thừa nhận sự chân thành của Hồ Chủ tịch và Chính phủ đối với đồng bào các tôn giáo⁽⁶⁾.

Ngày 7/7/1955, tại khu Hàm Long và khu Nhà thờ Lớn, 2.000 đồng bào Công giáo, Phật giáo, đạo Cao Đài và không tôn giáo đã họp mít tinh hoan nghênh Sắc lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề tôn giáo... Toàn thể đồng bào đã gửi kiến nghị, tỏ lòng tin tưởng ở sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, hứa đoàn kết chặt chẽ thực hiện mọi nhiệm vụ trước mắt để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất Tổ quốc⁽⁷⁾.

Ngày 13/7/1955. *Hội nghị Công giáo Liên khu III nghiên cứu Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo*, quy tụ 426 linh mục, tu sĩ và đại biểu đồng bào Công giáo Liên khu III để nghiên cứu Sắc lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề tôn giáo.

Trước khi bế mạc, Hội nghị đã gửi điện lên Hồ Chủ tịch, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Ủy ban Liên Việt toàn quốc, nhiệt liệt hoan nghênh bản Sắc lệnh, hứa thi thành đúng đắn chính sách tôn giáo của Chính phủ và hăng hái đẩy mạnh mọi mặt công tác để góp phần xứng đáng vào công cuộc đấu tranh củng cố hòa bình thực hiện thống nhất nước nhà⁽⁸⁾.

Ngày 15/7/1955, Bác sĩ Vũ Đình Tụng, Bộ trưởng Bộ Thương Binh và Xã hội một tín đồ Công giáo, nói về Sắc lệnh 234:

“Hồ Chủ tịch vừa kí Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo. Nghiên cứu Sắc lệnh này chúng ta thấy rõ Chính phủ luôn lo lắng đến đời sống của nhân dân về tinh thần cũng như về mặt vật chất. Đi sâu hơn nữa, chúng ta càng thấy rõ chính sách tôn giáo đúng đắn của Chính phủ là đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng...”⁽⁹⁾.

Do *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo* “nêu một cách rõ ràng và toàn diện những chủ trương cụ thể để đảm bảo quyền tự do ấy của nhân dân”⁽¹⁰⁾, Sắc lệnh chẳng những mau chóng đi vào cuộc sống, được các tôn giáo phấn khởi đón nhận mà có thể nói đây là Sắc lệnh có tuổi đời lâu nhất, kéo dài cho đến năm 1977. Và một điểm đáng chú ý rằng, những ngày đầu sau giải phóng (năm 1975) Sắc lệnh được các tôn giáo ở Miền Nam, trong đó có Công giáo tham khảo rất kĩ. Chính Tổng Giám mục Sài Gòn Phaolô Nguyễn Văn Bình, dựa vào tinh thần Sắc lệnh và *Chính sách 10 điểm* của Chính phủ lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam ra Thư gửi linh mục, tu sĩ, giáo dân ngày 5/5/1975 kêu gọi giáo sĩ, tu sĩ, tín đồ Công giáo bình tĩnh, ở lại với Dân tộc Việt Nam./.

6. Báo *Nhân dân*. Ngày 7-5-1955.

7. Báo *Nhân dân*. Ngày 10-7-1955.

8. Báo *Nhân dân*. Ngày 20-5-1955.

9. Báo *Nhân dân*. Ngày 15-5-1955.

10. Xã luận Báo *Nhân dân*. Ngày 4-7-1955.